

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục bí mật nhà nước của ngành Ngoại giao

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Nghị định số ... ngày ... quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Bộ trưởng Bộ Công an,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục bí mật nhà nước của ngành Ngoại giao.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Quyết định số 17/2014/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của ngành Ngoại giao và Thông tư số 12/2014/TT-BCA-A81 ngày 19 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an về Danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Ngoại giao hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Lưu: Văn thư, VPCP

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

DANH MỤC
BÍ MẬT NHÀ NƯỚC CỦA NGÀNH NGOẠI GIAO
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2019
của Thủ tướng Chính phủ)

Điều 1. Danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật của ngành Ngoại giao gồm những tin, tài liệu trong phạm vi sau:

1. Thông tin, đề xuất, kiến nghị, kết luận về chủ trương, chính sách đối ngoại đặc biệt quan trọng của Đảng và Nhà nước; thông tin, tài liệu đặc biệt quan trọng liên quan đến quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các nước, các tổ chức quốc tế chưa công bố hoặc không công bố.

2. Chủ trương, phương hướng giải quyết tranh chấp biên giới lãnh thổ quốc gia, bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và các quyền và lợi ích hợp pháp khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chưa công bố hoặc không công bố.

3. Thông tin, tài liệu về các cuộc gặp bí mật của lãnh đạo cấp cao với các tổ chức và cá nhân nước ngoài chưa công bố hoặc không công bố.

4. Chủ trương, chính sách đặc biệt quan trọng về công tác xây dựng, bảo vệ Đảng, phòng ngừa hoạt động móc nối, thâm nhập vào nội bộ Đảng ở ngoài nước.

5. Hồ sơ, tài liệu liên quan đến kinh phí dành cho hoạt động chuyên môn đặc thù của các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

6. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ về các vấn đề thuộc Danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật của ngành Ngoại giao hoặc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, liên quan trực tiếp đến việc hoạch định chính sách đối ngoại chưa công bố hoặc không công bố.

7. Thông tin bí mật do nước ngoài, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác của pháp luật quốc tế chuyển giao mà phía nước ngoài quy định ở mức Tuyệt mật hoặc tương đương.

8. Tài liệu, vật có chứa thông tin thuộc Danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật của ngành Ngoại giao hoặc các cơ quan khác.

Điều 2. Danh mục bí mật Nhà nước độ Tối mật của ngành Ngoại giao gồm những tin, tài liệu trong phạm vi sau:

1. Chiến lược, kế hoạch, đề án phát triển quan hệ với các nước lớn, các nước láng giềng, khu vực; chiến lược, kế hoạch, chính sách, thỏa thuận, cam kết đối ngoại có ý nghĩa rất quan trọng; báo cáo kết quả thực hiện các chiến lược, kế hoạch, đề án, chính sách, thỏa thuận, cam kết nói trên và đánh giá tình hình quan hệ, trong đó kiến nghị chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với các nước đó chưa công bố hoặc không công bố.

2. Thông tin, tài liệu, đề án, phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả đàm phán giải quyết tranh chấp về biên giới, lãnh thổ quốc gia với các nước có liên quan; hồ sơ, tài liệu, đề án, phương án đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và các quyền và lợi ích hợp pháp khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; báo cáo về tình hình quản lý biên giới, lãnh thổ quốc gia trên đất liền, vùng trời, các vùng biển, đảo, quần đảo của Việt Nam; hồ sơ, tài liệu, đề án liên quan đến mốc quốc giới, đường biên giới quốc gia chưa công bố hoặc không công bố.

3. Thông tin, tài liệu về các cuộc gặp bí mật của lãnh đạo Bộ Ngoại giao với các tổ chức và cá nhân nước ngoài chưa công bố hoặc không công bố.

4. Tài liệu chỉ đạo, hướng dẫn các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài về các hoạt động đối ngoại rất quan trọng hoặc liên quan đến các vấn đề nhạy cảm; báo cáo, tài liệu do các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài gửi về liên quan đến những vấn đề nhạy cảm hoặc đối tác đặc biệt.

5. Báo cáo về hoạt động của các tổ chức, hội đoàn người Việt Nam ở nước ngoài có nội dung nhạy cảm, tác động không có lợi đối với công tác cộng đồng hoặc quan hệ của Việt Nam với các nước; hồ sơ, tài liệu liên quan đến cá nhân, tổ chức người Việt cực đoan ở nước ngoài có các hoạt động chống phá đối với trong nước; chủ trương, định hướng và sự hỗ trợ của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với các cơ quan truyền thông của người Việt Nam ở nước ngoài chưa công bố hoặc không công bố.

6. Phương án đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế, hợp đồng, thỏa thuận; phương án đàm phán, giải quyết tranh chấp, khiếu kiện giữa Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các tổ chức, cá nhân nước ngoài về các vấn đề thuộc Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật chưa công bố hoặc không công bố.

7. Nội dung các cuộc đàm phán, văn bản ký kết giữa Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các tổ chức, cá nhân nước ngoài do Bộ Ngoại giao lưu giữ mà các bên tham gia ký kết thỏa thuận chưa công bố hoặc không công bố.

8. Chiến lược, kế hoạch, đề án về công tác tổ chức, cán bộ phục vụ triển khai, thực hiện các nhiệm vụ thuộc loại Tối mật; hồ sơ, tài liệu liên quan đến các vấn đề rất nhạy cảm, phức tạp trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ; hồ sơ, tài liệu về thực trạng đội ngũ đảng viên và tổ chức đảng, tư tưởng đảng viên và quần chúng ở ngoài nước có nội dung nhạy cảm, phức tạp; hồ sơ, tài liệu về cán bộ, đảng viên của Đảng bộ Bộ Ngoại giao có dấu hiệu liên quan đến an ninh chính trị, an ninh kinh tế trong thời gian ở ngoài nước; nhận xét, đánh giá của cấp ủy đối với cán bộ chủ chốt của các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài liên quan đến những vấn đề rất nhạy cảm, phức tạp chưa công bố hoặc không công bố.

9. Hồ sơ, tài liệu liên quan cán bộ biệt phái tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

10. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ về các vấn đề thuộc Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật của ngành Ngoại giao hoặc có ý nghĩa rất quan trọng, liên

quan trực tiếp đến việc hoạch định chính sách đối ngoại chưa công bố hoặc không công bố.

11. Thông tin bí mật do nước ngoài, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác của pháp luật quốc tế chuyển giao mà phía nước ngoài quy định ở mức Tối mật hoặc tương đương.

12. Tài liệu, vật có chứa thông tin thuộc Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật của ngành Ngoại giao hoặc các cơ quan khác.

Điều 3. Danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Ngoại giao gồm những tin, tài liệu trong phạm vi sau:

1. Chiến lược, kế hoạch, đề án kiến lập, phát triển, định chỉ quan hệ với các nước, trừ các nước nêu tại Điều 2, Khoản 1 của Danh mục này; chiến lược, kế hoạch, đề án gia nhập hoặc rút khỏi các tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác của pháp luật quốc tế; chiến lược, kế hoạch, chính sách, thỏa thuận, cam kết đối ngoại có ý nghĩa quan trọng; báo cáo kết quả thực hiện các chiến lược, kế hoạch, đề án, chính sách, thỏa thuận, cam kết nói trên chưa công bố hoặc không công bố.

2. Báo cáo, đề xuất, kiến nghị về việc thành lập hoặc rút Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài chưa công bố.

3. Báo cáo, chương trình, kế hoạch định kỳ; báo cáo vụ việc, báo cáo chuyên đề liên quan đến tình hình chính trị, an ninh, kinh tế thế giới và khu vực, công tác đối ngoại, xây dựng ngành và các công tác khác của ngành Ngoại giao chưa công bố hoặc không công bố; báo cáo, nhận định của các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài liên quan đến tình hình ở tại, khu vực, thế giới và quan hệ với Việt Nam, trừ các vấn đề nêu tại Điều 1 và Điều 2 của Danh mục này.

4. Kế hoạch cử đoàn ra, đoàn vào là lãnh đạo cấp cao và các đoàn có tính chất đặc biệt chưa công bố hoặc không công bố.

5. Đề án chính trị và báo cáo kết quả đón đoàn cấp cao nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế, các đoàn có tính chất đặc biệt thăm, làm việc, quá cảnh tại Việt Nam; đề án chính trị và báo cáo kết quả của các đoàn lãnh đạo cấp cao và các đoàn có tính chất đặc biệt của Việt Nam đi thăm nước ngoài hoặc tham dự các hội nghị quốc tế ở nước ngoài, trừ các vấn đề nêu tại Điều 1 và Điều 2 của Danh mục này.

6. Thông tin, tài liệu về các cuộc trao đổi, tiếp xúc của cán bộ ngành Ngoại giao với các tổ chức và cá nhân nước ngoài về các vấn đề nhạy cảm, quan trọng chưa công bố hoặc không công bố.

7. Kế hoạch tổ chức các cuộc nghiên cứu, điều tra, khảo sát khu vực biên giới đang tranh chấp; báo cáo chiến lược, báo cáo chuyên sâu về các vấn đề biển đảo, thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế, vùng biển và vùng trời của Việt Nam chưa công bố hoặc không công bố.

8. Phương án đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế, hợp đồng, thỏa thuận; phương án đàm phán, giải quyết tranh chấp, khiếu kiện giữa Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Bộ Ngoại giao Việt Nam nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các tổ chức, cá nhân nước ngoài về các vấn đề thuộc danh mục bí mật nhà nước độ Mật chưa công bố hoặc không công bố.

9. Thỏa thuận hợp tác, phối hợp công tác giữa Bộ Ngoại giao với các ban, bộ, ngành, địa phương chưa công bố hoặc không công bố.

10. Chiến lược, kế hoạch, đề án, kiến nghị về công tác tổ chức, cán bộ trong ngành Ngoại giao; quy trình và phương án tổ chức bộ máy, điều động, luân chuyển, quy hoạch lãnh đạo từ cấp Vụ và tương đương trở lên chưa công bố; phương án, kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp cán bộ, cử cán bộ đi công tác nhiệm kỳ chưa công bố; kết luận thẩm định về tiêu chuẩn chính trị của cán bộ trong ngành Ngoại giao chưa công bố hoặc không công bố; hồ sơ, tài liệu về các vấn đề bảo vệ chính trị nội bộ liên quan tới nhân sự trong ngành Ngoại giao; thông tin về người thuộc lực lượng vũ trang, cơ yếu được cử đi đào tạo trong và ngoài nước thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Ngoại giao; đề thi, đáp án sát hạch, tuyển chọn nhân sự và tuyển dụng, nâng ngạch công chức, viên chức của Bộ Ngoại giao chưa công bố.

11. Hồ sơ, tài liệu, thông tin về cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong ngành Ngoại giao đang trong quá trình thu thập, thẩm tra, xác minh, kiểm tra, xử lý; kết luận thanh tra, kiểm tra chưa công bố; kết luận giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo về những vấn đề có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước ngành Ngoại giao; phương án kiểm tra đột xuất vụ việc vi phạm pháp luật trong hoạt động của ngành Ngoại giao chưa công bố.

12. Hồ sơ, tài liệu, quy định, quy ước, thông số kỹ thuật về hệ thống thông tin liên lạc của Bộ Ngoại giao; tài liệu về thiết kế, thông số kỹ thuật, sơ đồ, số liệu về hệ thống thông tin của Bộ Ngoại giao; mật khẩu, quy ước về đảm bảo an ninh, an toàn trong ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ Ngoại giao.

13. Tài liệu, hồ sơ thiết kế, báo cáo, thông tin liên quan đến hệ thống bảo vệ an ninh, an toàn trụ sở Bộ Ngoại giao và phòng họp mật tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; phương án, kế hoạch bảo vệ an ninh, an toàn và phòng, chống khủng bố tại trụ sở Bộ Ngoại giao và các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; hồ sơ thiết kế, cơ chế hoạt động, vận hành của trụ sở Bộ Ngoại giao; phương án giải quyết bất động sản của Nhà nước Việt Nam ở nước ngoài; thông tin, hồ sơ, tài liệu, dữ liệu về đấu thầu, xét thầu các gói thầu đặc biệt quan trọng trong ngành Ngoại giao chưa công bố.

14. Hồ sơ, tài liệu liên quan đến dự toán kinh phí, số liệu thu chi, báo cáo quyết toán, báo cáo thu phí, lệ phí lãnh sự của các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có chứa thông tin thuộc Danh mục bí mật nhà nước chưa công bố hoặc không công bố.

15. Báo cáo định kỳ, báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát công tác đảng ở ngoài nước; chỉ thị, hướng dẫn của Đảng bộ Bộ Ngoại giao cho các đảng bộ, chi bộ ngoài nước; báo cáo về tổ chức, nhân sự ở ngoài nước của các đảng bộ, chi bộ trực thuộc Đảng bộ Bộ Ngoại giao.

16. Biên bản họp cấp ủy, biên bản sinh hoạt chi bộ Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; bản kiểm điểm cá nhân đảng viên, nhận xét của cấp ủy đối với đảng viên sinh hoạt đảng ở nước ngoài có chứa thông tin thuộc Danh mục bí mật nhà nước chưa công bố; tài liệu trao đổi, đánh giá trong quá trình quản lý đảng

viên ở ngoài nước của Đảng bộ Bộ Ngoại giao có vấn đề phải xem xét, nhưng chưa công bố.

17. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ về các vấn đề thuộc Danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Ngoại giao hoặc có ý nghĩa quan trọng, liên quan trực tiếp đến việc hoạch định chính sách đối ngoại chưa công bố hoặc không công bố.

18. Thông tin bí mật do nước ngoài, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác của pháp luật quốc tế chuyển giao mà phía nước ngoài quy định ở mức Mật hoặc tương đương.

19. Tài liệu, vật có chứa thông tin thuộc Danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Ngoại giao hoặc các cơ quan khác./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc